

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2026/DS-ST**

Ngày 27 - 7 - 2026

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh, bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần C; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: K, Quốc lộ B, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: F T, phường B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1), sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã E (xã H, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phạm Đình B trình bày:* Ngày 27/8/2011, ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1) và Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty Cổ phần C) ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 858/2011/HĐ-GK. Theo hợp đồng, ông T1 nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê với trồng năm 1987 có diện tích 9.260m² và diện tích bờ lô 1.345m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, thuộc đội 19/5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc xã E, tỉnh Đắk Lắk). Theo hợp đồng, từ niên vụ 2014-2015 đến niên vụ 2018-2019, sản lượng giao khoán ông T1 phải nộp là 2.212kg cà phê quả tươi mỗi niên vụ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm đến hết niên vụ 2017-2018. Từ niên vụ 2018-2019, ông T1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng.

Ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đăk Lăk) ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST đã có hiệu lực pháp luật, tuyên chấm dứt Hợp đồng khoán gọn số 858/2011/HĐ-GK; buộc ông Phạm Xuân T giao trả toàn bộ diện tích đất nhận khoán, vườn cây và tài sản thuộc phạm vi giao khoán cho Công ty; đồng thời buộc Công ty thanh toán cho ông T giá trị phần góp vốn 49% vườn cây và các tài sản hợp pháp trên đất theo bản án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Xuân T không tự nguyện giao trả đất và vườn cây theo bản án mà vẫn tiếp tục quản lý, canh tác, thu hoạch cà phê và hưởng toàn bộ hoa lợi từ vườn cây. Do ông T tiếp tục chiếm giữ và khai thác vườn cây trái pháp luật sau khi hợp đồng đã chấm dứt và bản án đã có hiệu lực pháp luật, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Xuân T phải bồi thường toàn bộ hoa lợi mà Công ty bị mất trong 04 niên vụ từ năm 2022-2023 đến năm 2025-2026.

Theo hợp đồng khoán gọn, sản lượng giao khoán niên vụ cuối là 2.212kg cà phê quả tươi, tương ứng với 51% sản lượng của vườn cây. Quy đổi toàn bộ sản lượng của vườn cây là 4.337kg cà phê quả tươi mỗi niên vụ. Đối với 04 niên vụ từ năm 2022-2023 đến năm 2025-2026, tổng sản lượng hoa lợi là 17.348kg cà phê quả tươi. Công ty yêu cầu ông Phạm Xuân T bồi thường toàn bộ số lượng cà phê này.

Đối với tiền thuê đất, theo Thông báo số 536/TB-CCT ngày 29/4/2025 và các thông báo của Chi cục Thuế khu vực X, ông Phạm Xuân T còn phải hoàn trả cho Công ty tiền thuê đất và tiền thuê đất tăng thêm từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể: Năm 2021 = $413\text{đồng/m}^2 \times (9.260\text{m}^2 + 1.345\text{m}^2) \times 49\% - 926.152\text{ đồng}$ (theo bản án số 96/2022/DS-ST ngày 28/9/2022) = 1.219.982 đồng; Năm 2022 đến năm 2025 là: $413\text{đồng/m}^2 \times (9.260\text{m}^2 + 1.345\text{m}^2) \times 49\% \times 4\text{ năm} = 8.584.536\text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông Phạm Xuân T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty Cổ phần C số lượng 17.348kg cà phê quả tươi, là giá trị hoa lợi thu được từ vườn cây cà phê trong các niên vụ 2022–2023, 2023–2024, 2024–2025 và 2025–2026. Buộc ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 1.219.982 đồng.

Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ năm 2022 đến năm 2025 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 8.584.536 đồng, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Ngoài các yêu cầu nêu trên, Công ty không có yêu cầu nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1) trình bày:* Ông T1 không ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần C mà chỉ ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV C nên ông T1 không có nợ gì và việc Công ty cổ phần C khởi kiện là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét lại tư cách của

nguyên đơn. Đối với vườn cây nhận khoán, ông T1 xác nhận hiện ông T1 vẫn là người canh tác, quản lý vườn cây.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C: Buộc ông Phạm Xuân T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty Cổ phần C 17.348 kg cà phê quả tươi, là giá trị hoa lợi thu được từ vườn cây cà phê. Buộc ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 1.219.982 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C về việc yêu cầu ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ năm 2022 đến năm 2025 phần 49% là 8.584.536 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk giải quyết. Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Xuân T có Đơn kiến nghị khẩn cấp đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự với lý do cho rằng quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV C còn nhiều sai phạm, Công ty Cổ phần C không đủ tư cách khởi kiện và vụ việc đã được chuyển cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Công văn số 8935/UBND-NC ngày 18/6/2026 của UBND tỉnh Đ, Công an tỉnh Đ xác định vụ việc không có dấu hiệu tội phạm và không có căn cứ để thụ lý theo trình tự tố tụng hình sự. Đối với ý kiến cho rằng Công ty Cổ phần C không có tư cách khởi kiện, vấn đề này đã được

giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 đã có hiệu lực pháp luật nên không có căn cứ xem xét lại. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của bị đơn và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn ông Phạm Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Phạm Xuân T thanh toán tiền thuê đất từ năm 2022 đến năm 2025. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Xuân T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 17.348kg cà phê quả tươi, là giá trị hoa lợi thu được từ vườn cây cà phê trong các niên vụ 2022–2023, 2023–2024, 2024–2025 và 2025–2026, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã có hiệu lực pháp luật, Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 858/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa Công ty Cổ phần C và ông Phạm Xuân T đã chấm dứt; ông T có nghĩa vụ giao trả toàn bộ diện tích đất, vườn cây cho Công ty, đồng thời Công ty có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần góp vốn 49% vườn cây và tài sản hợp pháp trên đất theo nội dung bản án. Theo Biên bản xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đắc Lắc, sau khi bản án có hiệu lực, ông T không yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền Công ty phải thanh toán nên cơ quan thi hành án chưa ban hành quyết định thi hành án. Vì vậy, việc Công ty chưa thanh toán khoản tiền theo bản án không phải là căn cứ để ông T tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác vườn cây. Quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận sau khi bản án có hiệu lực vẫn trực tiếp quản lý, chăm sóc và thu hoạch cà phê trên diện tích đất nhận khoán. Như vậy, có đủ căn cứ xác định sau khi quan hệ giao khoán chấm dứt, ông T vẫn tiếp tục chiếm giữ, khai thác và hưởng toàn bộ hoa lợi từ vườn cây thuộc quyền quản lý của Công ty. Hành vi này đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài vườn cây cà phê thì trên diện tích đất còn có các cây trồng khác, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hoa lợi thu được từ vườn cây cà phê nên thiệt hại đối với các cây trồng khác HĐXX không xem xét.

Về mức thiệt hại, ông T là người trực tiếp quản lý, khai thác vườn cây nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sản lượng thực tế của các niên vụ tranh chấp. Trong khi đó, nguyên đơn cung cấp 02 hợp đồng giao khoán ký năm 2025 đối với hai hộ nhận khoán có vườn cây cùng vùng trồng, cùng thời điểm trồng với vườn cây do ông T trước đây nhận khoán, các hợp đồng này đều xác định

sản lượng giao khoán bằng đúng sản lượng giao khoán của niên vụ cuối theo Hợp đồng số 858/2011/HĐ-GK, thể hiện định mức sản lượng giao khoán được Công ty áp dụng thống nhất đối với các vườn cây cùng điều kiện sản xuất. Do đó, có căn cứ sử dụng định mức giao khoán này để xác định thiệt hại. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh sản lượng thực tế của vườn cây thấp hơn định mức giao khoán nêu trên nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cách xác định thiệt hại của nguyên đơn.

Theo Hợp đồng khoán gọn, sản lượng giao khoán của niên vụ cuối là 2.212kg cà phê quả tươi, tương ứng với 51% sản lượng. Như vậy, tổng sản lượng của vườn cây là 4.337kg cà phê quả tươi/niên vụ. Đối với 04 niên vụ từ năm 2022–2023 đến năm 2025–2026, T2 được xác định là 17.348kg cà phê quả tươi. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Xuân T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty Cổ phần C 17.348kg cà phê quả tươi.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Xuân T phải nộp tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 1.219.982 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã giải quyết nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất của ông Phạm Xuân T theo phạm vi yêu cầu khởi kiện và các khoản nghĩa vụ tài chính đã phát sinh tại thời điểm xét xử.

Đối với khoản tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 đây là khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh sau khi cơ quan thuế xác định, điều chỉnh lại tiền thuê đất theo Thông báo số 536/TB-CCT ngày 29/4/2025 của Chi cục Thuế khu vực X và thông báo số 61/TB-DLA ngày 10/7/2025 của Thuế tỉnh Đ; Thông báo số 198/TB-CTCP ngày 29/10/2025 của Công ty cổ phần C nên chưa được xem xét, giải quyết trong Bản án số 96/2022/DS-ST. Phần tiền thuê đất tăng thêm mà ông Phạm Xuân T phải nộp phần 49% của năm 2021 là 1.219.982 đồng (sau khi đã khấu trừ số tiền 926.152 đồng được giải quyết trong Bản án số 96/2022/DS-ST). Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C, buộc ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 1.219.982 đồng.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do đối tượng phải bồi thường là 17.348 kg cà phê quả tươi nên Hội đồng xét xử xác định giá trị nghĩa vụ phải thực hiện theo giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2026 là 96.000 đồng/kg), quy đổi theo tỷ lệ 4,55 kg cà phê quả tươi tương ứng 01 kg cà phê nhân, làm căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm: $17.348 \text{ kg cà phê quả tươi} \times (96.000 \text{ đồng/kg} : 4,55 \text{ kg}) = 366.023.736 \text{ đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Xuân T phải chịu $(366.023.736 \text{ đồng} + 1.219.982 \text{ đồng}) \times 5\% = 18.362.185 \text{ đồng}$ (Làm tròn: 18.362.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

1.1. Buộc ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1) phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty Cổ phần C 17.348 kg (Mười bảy nghìn ba trăm bốn mươi tám kilôgam) cà phê quả tươi là giá trị hoa lợi thu được từ vườn cây cà phê của 04 niên vụ 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025 và 2025-2026.

1.2. Buộc ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1) có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tăng thêm năm 2021 cho Công ty Cổ phần C phần 49% là 1.219.982 đồng (Một triệu hai trăm mười chín nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C về việc yêu cầu ông Phạm Xuân T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ năm 2022 đến năm 2025 phần 49% là 8.584.536 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng).

3. Về án phí: Ông Phạm Xuân T (tên gọi khác Phạm Văn T1) phải chịu 18.362.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần C 10.523.000 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005912 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam